

Bản án số:19/2023/HS-ST
Ngày: 05– 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Chiêu
2. Ông Đặng Hoàng Mích

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Huỳnh Vĩnh Thái – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:17/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN HỮU T sinh ngày: 10/4/1973

Nơi cư trú: Số 41/5, đường Đ, tổ 41, khu phố 3 phường 2, thành phố M, tỉnh T.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1950 không rõ nơi cư trú và bà Nguyễn Thị H. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/01/2023 cho đến nay (Có mặt).

2. ĐOÀN HỮU T, sinh ngày: 22/7/1987

Nơi cư trú: Số 264/1 Tổ 13, ấp Lương Phú B, xã L, huyện C, tỉnh T.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đoàn Hữu T và bà Nguyễn Thị P. Vợ: Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm: 1988, Con có 01 người con sinh năm: 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/01/2023 cho đến nay (Có mặt).

- Người bị hại:

Lê Thị Thúy L, sinh năm: 1960 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, xã V, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 21/01/2023, Nguyễn Hữu T điều khiển xe mô tô Wave, biển số 63FH-9721 chở Đoàn Hữu T (là bạn bè chơi chung) đi từ thành phố M, tỉnh T đến xã B, huyện Đ để tìm ghe đi cào thuê nhưng không tìm được nên T và T trở về Thành phố M. Khoảng 14 giờ cùng ngày, T chở T về đến ấp P, xã V, huyện B, tỉnh T thì phát hiện 01 xe mô tô, nhãn hiệu Repsol biển số 52T7-7236, màu xanh – cam – đen của bà Lê Thị Thúy L, sinh năm: 1960 cư trú ấp P, xã V, huyện B, tỉnh T dựng bên lề đường, không người trông coi, chìa khóa gắn sẵn trên ổ khóa. T và T bàn bạc trộm cắp chiếc xe nêu trên để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. T dừng xe lại. Cả hai cùng bước xuống xe. T đứng ở ngoài cảnh giới. T đi bộ đến trộm cắp xe mô tô, khởi động máy, chạy trước còn T điều khiển xe Wave biển số 63FH-9721 chạy theo sau. Khi về đến địa bàn thành phố M thì bị cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố M tuần tra, kiểm tra xe. T và T khai nhận xe mô tô 52T7-7236 là do cả hai trộm cắp ở xã P, huyện B, tỉnh T. Cơ quan cảnh sát điều tra công an Thành phố M đã thông báo cho cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Bình Đại, chuyển hồ sơ vụ việc, đối tượng và xe mô tô biển số 52T7-7236 cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Bình Đại giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 22/01/2023, Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Đại kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Repsol biển số 52T7-7236, màu sơn xanh – cam – đen của bà Lê Thị Thúy L có giá trị là 4.250.000 đồng.

Ngày 26/01/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Bình Đại trả lại xe mô tô nhãn hiệu Repsol biển số 52T7-7236, màu sơn xanh – cam – đen cho bà Liễu.

Tại Bản Cáo trạng số 23/CT-VKSBD ngày 09/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu T, Đoàn Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Đoàn Hữu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại đã truy tố và vật chứng đã thu thập. Các bị cáo đồng ý với kết luận giám định, các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với 02 bị cáo Nguyễn Hữu T, Đoàn Hữu T và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội 02 bị cáo như sau:

- Về tội danh và hình phạt chính:

+ Đối với bị cáo **Nguyễn Hữu T**: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 09 tháng tù đến 01 năm 03 tháng tù về tội “**Trộm cắp tài sản**”.

+ Đối với bị cáo **Đoàn Hữu T**: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Hữu T từ 06 tháng tù đến 01 năm tù về tội “**Trộm cắp tài sản**”.

- Về xử lý vật chứng, bồi thường thiệt hại: Đề nghị ghi nhận cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Bình Đại đã trả lại tài sản cho bị hại Lê Thị Thúy L 01 xe mô tô nhãn hiệu Repsol biển số 52T7-7236, màu sơn xanh – cam – đen. Bà L đã nhận lại xe và

không có yêu cầu gì khác.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị Thúy L không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét đến.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo T: Không.

- Bị cáo T: Bị cáo đã hối hận về việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm về với gia đình, phụ giúp cha mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Bình Đại, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo, bị hại không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Hữu T, Đoàn Hữu T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định các bị cáo Nguyễn Hữu T, Đoàn Hữu T khoảng 14 giờ ngày 21/01/2023 các bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm một xe mô tô nhãn hiệu Repsol biển số 52T7-7236, màu sơn xanh – cam – đen của bà Lê Thị Thúy L có giá trị là 4.250.000 đồng, mục đích là đem bán lấy tiền, chia nhau tiêu xài cá nhân.

[3] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết rõ hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, các bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Vì vậy, Cáo trạng số 23/CT-VKSBD ngày 09/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo về tội: “**Trộm cắp tài sản**” theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu tài sản sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các bị cáo thực hiện tội phạm mà còn gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày. Hành vi đó phải được xử lý nghiêm minh để răn đe và phòng ngừa chung xã hội.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Đoàn Hữu T có nhân thân xấu.

+ Bị cáo T: Có 03 tiền án (Đã được xóa án tích) đó là bị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh T xét xử 01 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản của công dân” năm 1994; xét xử 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản của công dân” năm 1999; Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử 20 năm tù về tội: “Cướp tài sản của công dân” và “Cố ý gây thương tích” tính từ ngày 02/11/1999, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương vào ngày 02/6/2015 (Được giảm án 04 năm 5 tháng).

+ Bị cáo Đoàn Hữu T: Có 01 tiền án (Đã được xóa án tích) đó là bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 6 tháng tính từ ngày 19/9/2011) về tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Đoàn Hữu T có 02 tình tiết giảm nhẹ được hưởng là “*Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về vai trò đồng phạm: Bị cáo T và bị cáo T có vai trò đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người thực hành, bị cáo T là người giúp sức trong thực hiện tội phạm.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả và hành vi các bị cáo gây ra xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung. Bị cáo T có vai trò là người thực hành và có nhân thân xấu hơn bị cáo T nên khi áp dụng hình phạt sẽ cao hơn là phù hợp.

[6] Lời phát biểu luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên Tòa sơ thẩm về tội danh đối với các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Bình Đại đã trả lại tài sản cho bị hại Lê Thị Thúy L 01 xe mô tô nhãn hiệu Repsol biển số 52T7-7236, màu sơn xanh – cam – đen cho bà L.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị Thúy L đã nhận lại xe, không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không xét đến.

[8] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

[9] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu T, Đoàn Hữu T phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2023.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đoàn Hữu T 01 (Một) năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2023.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Đoàn Hữu T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Bình Đại (2b);
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại (2b);
- Nhà tạm giữ công an huyện Bình Đại (2b)
- Cơ quan điều tra công an huyện Bình Đại (2b);
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre (2b);
- TAND thành phố M, tỉnh T (1b);
- Các bị cáo, bị hại (3b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án và văn phòng (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương